Cơ quan: Ủy ban Nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh
Email: q11@tphcm.gov.vn

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 11
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO NĂM HỌC 2021-2022

Số: 39 /TB-HĐTDVC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

Quận 11, ngày 14 tháng 4 năm 2022

THÔNG BÁO
Triệu tập thí sinh tham dự vòng 2 kỳ tuyển dụng (xét tuyển) viên chức Ngành Giáo dục và Đào tạo năm học 2021-2022

Căn cứ Kế hoạch số 120/KH-UBND ngày 08 tháng 02 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Quận 11 về tuyển dụng viên chức ngành Giáo dục và Đào tạo năm học 2021 – 2022;

Căn cứ Công văn số 502/UBND-NV ngày 14 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Quận 11 về việc phê duyệt danh sách thí sinh đủ điều kiện tham dự vòng 2 kỳ tuyển dụng (xét tuyển) viên chức ngành Giáo dục và Đào tạo năm học 2021 – 2022;

Hội đồng tuyển dụng viên chức ngành Giáo dục và Đào tạo thông báo triệu tập 111 thí sinh (đính kèm danh sách) dự vòng 2 kỳ tuyển dụng (xét tuyển) viên chức ngành Giáo dục và Đào tạo năm học 2021 – 2022 như sau:

1. Thời gian, địa điểm làm thủ tục và tổ chức vòng 2:

a) Thời gian xét tuyển:

- Xét tuyển giáo viên, nhân viên các trường mầm non: ***07 giờ 30 phút ngày 27 tháng 4 năm 2022 (thứ Tư);***

- Xét tuyển giáo viên, nhân viên các trường tiểu học: ***13 giờ 30 phút ngày 27 tháng 4 năm 2022 (thứ Tư);***

- Xét tuyển giáo viên, nhân viên các trường trung học cơ sở: ***07 giờ 30 phút ngày 28 tháng 4 năm 2022 (thứ Năm);***

b) Địa điểm: tại Trường THCS Lê Anh Xuân (số 40 đường 762 Hồng Bàng, Phường 1, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh)

2. Nội dung Danh mục tài liệu ôn tập: thí sinh theo dõi trên trang thông tin điện tử Ủy ban nhân dân Quận 11: **http://www.quan11.hochiminh.gov.vn**; Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 11: **https://pgdquan11.hcm.edu.vn**

3. Một số nội dung lưu ý đối với thí sinh tham dự phỏng vấn:

- Thí sinh phải có mặt đúng thời gian theo quy định;

- Mang theo giấy Chứng minh nhân dân/ Căn cước công dân hoặc giấy tờ tùy thân (có dán ảnh) để kiểm tra trước khi vào phòng phỏng vấn;

- Tất cả thí sinh phải thực hiện nghiêm túc thông điệp 5K của Bộ Y tế.

Lưu ý: Để thực hiện tốt công tác phòng chống dịch bệnh, Chủ tịch Hội đồng tuyển dụng viên chức đề nghị tất cả thí sinh tham gia xét tuyển viên chức ngành Giáo dục và Đào tạo năm học 2021 – 2022 phải đeo khẩu trang trong suốt thời gian tham dự./.

Nơi nhận:
- Thí sinh dự vòng 2 (qua địa chỉ Email/Zalo);
- Chủ tịch HĐTDVC;
- Thành viên HĐTDVC;
- Ban giám sát;
- Ban kiểm tra, sát hạch;
- Phòng Nội vụ;
- VP UBND Quận;
- Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận;
- Hiệu trưởng các đơn vị có thí sinh dự tuyển;
- Lưu: VT, PNV, HĐTDVC.H (15b)

TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG
CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH UBND QUẬN
Nguyễn Trần Bình

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 11
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC
NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO NĂM HỌC 2021 - 2022

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH THAM DỰ VÒNG 2
KỲ TUYỂN DỤNG (XÉT TUYỂN) VIÊN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO NĂM HỌC 2021 - 2022 ĐỐI VỚI BẬC MẦM NON
(Đính kèm Thông báo số 39 /TB-HĐTDVC ngày 14 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng tuyển dụng viên chức)

STT	Họ và Tên	Ngày sinh		Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ Ngoại ngữ (Anh văn)	Chứng chỉ Tin học	Chứng chỉ khác	Vị trí đăng ký tuyển dụng	Đơn vị đăng ký xét tuyển	Đối tượng ưu tiên
		Nam	Nữ								
1	Trần Tâm Linh		08/10/1986	Đại học	Giáo dục Mầm non	B (số hiệu: A2692378; ngày cấp 09/4/2019)	UDCNTTCB		Giáo viên mầm non	**Trường Mầm non Phường 2**	
2	Phạm Thị Thúy		07/04/1988	Đại học	Giáo dục Mầm non				Giáo viên mầm non	**Trường Mầm non Phường 3**	
3	Đặng Thị Ngọc Tiền		17/12/1986	Đại học	Giáo dục Mầm non	B (Số hiệu: A1069202, cấp ngày: 01/07/2013)	A (Số hiệu: A268658, cấp ngày: 25/07/2006)		Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Phường 3	
4	Nguyễn Lê Anh Thư		20/01/1989	Đại học	Giáo dục Mầm non	B (Số hiệu: A3166432, cấp ngày: 24/12/2019)	A (Số hiệu: 99-A871/Vista, cấp ngày: 23/11/2009)		Giáo viên mầm non	**Trường Mầm non Phường 4**	
5	Đoàn Phương Thùy Dung		12/01/1993	Đại học	Giáo dục Mầm non	B (Số hiệu: A3166407, cấp ngày: 24/12/2019)	A (Số hiệu: A2728345, cấp ngày: 09/02/2017)		Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Phường 4	
6	Nguyễn Như Quỳnh		18/11/1997	Cao đẳng	Giáo dục Mầm non				Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Phường 4	
7	Lê Kim Chi		01/01/1985	Đại học	Giáo dục Mầm non	B (Số hiệu: A3166383, cấp ngày: 24/12/2019)			Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Phường 4	
8	Nguyễn Ngọc Như Quỳnh		02/3/1998	Cao đẳng	Giáo dục Mầm non	B (số hiệu: 2913143; ngày cấp 22/8/2018)	UDCNTTCB		Giáo viên mầm non	**Trường Mầm non Phường 5**	
9	Phạm Thị Phương Thảo		09/02/1987	Đại học	Giáo dục Mầm non	B (Số hiệu: 0297020, cấp ngày: 20/10/2010)	B (Số hiệu: 0297020, cấp ngày: 30/05/2012)		Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Phường 5	
10	Lê Kim Thanh		13/03/1981	Đại học	Kế toán	B (Số hiệu: 728571, cấp ngày: 24/05/2004)	Trung cấp		Kế toán	**Trường Mầm non 10**	
11	Nguyễn Thị Mỹ Ngân		12/06/1995	Đại học	Giáo dục mầm non	B (Số hiệu: A2245930, cấp ngày: 05/08/2016)			Giáo viên mầm non	**Trường Mầm non 10**	
12	Nguyễn Thị Ngọc Thương		20/06/1995	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	B (Số hiệu: A2296290, cấp ngày: 13/05/2016)	UDCNTTCB		Giáo viên mầm non	Trường Mầm non 10	
13	Nguyễn Thị Kim Phụng		15/04/1989	Cao đẳng	Kế toán	B (Số hiệu: A3166385, cấp ngày: 24/12/2019)	A (Số hiệu: A518055, cấp ngày: 08/04/2009)		Kế toán	**Trường Mầm non Phường 12**	

STT	Họ và Tên	Ngày sinh		Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ Ngoại ngữ (Anh văn)	Chứng chỉ Tin học	Chứng chỉ khác	Vị trí đăng ký tuyển dụng	Đơn vị đăng ký xét tuyển	Đối tượng ưu tiên
		Nam	Nữ								
14	Huỳnh Ngọc Thúy		09/08/1976	Đại học	Giáo dục Mầm non	B (Số hiệu: A1796695, cấp ngày: 16/04/2015)	A (Số hiệu: A1752853, cấp ngày: 18/05/2015)		Giáo viên mầm non	**Trường Mầm non Phường 13**	
15	Trần Ngọc Hân		13/05/1996	Cao đẳng	Giáo dục Mầm non				Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Phường 13	**Con thương binh loại B**
16	Trang Thị Kim Ngân		10/01/2000	Cao đẳng	Giáo dục Mầm non		UDCNTTCB		Giáo viên mầm non	**Trường Mầm non Phường 14**	
17	Đoàn Thị Phượng Ngân		30/03/2000	Cao đẳng	Giáo dục Mầm non		UDCNTTCB		Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Phường 14	
18	Hồ Thị Trâm		18/05/1996	Đại học	Giáo dục Mầm non	B (Số hiệu: A301357, cấp ngày: 20/09/2018)	UDCNTTCB		Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Phường 14	
19	Tất Thục Liên		25/04/1999	Đại học	Giáo dục mầm non	B (Số hiệu: A115288, cấp ngày: 14/01/2020)	UDCNTTCB		Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Phường 14	**Dân tộc Hoa**
20	Lê Thị Thu Trang		23/04/1999	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	Giao tiếp nâng cao	Ứng dụng văn phòng nâng cao		Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Phường 14	
21	Phùng Thị Thúy Trâm		04/09/1984	Trung cấp	Trung cấp kế toán	B (Số hiệu: B0013043, cấp ngày: 21/08/2009)	UDCNTTCB	Sơ cấp quản trị Văn phòng và Văn thư lưu trữ	Văn thư	Trường Mầm non Phường 14	
22	Bùi Thị Minh Ngọc		09/02/1982	Cao đẳng	Giáo dục Mầm non		B (Số hiệu: B00927, cấp ngày: 24/11/2003)		Giáo viên mầm non	**Trường Mầm non Phường 16**	
23	Phan Thị Kim Thoa		19/10/1978	Cao đẳng	Giáo dục Mầm non	TOEFL ITP	UDCNTTCB		Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Phường 16	
24	Mạc Minh Hương		13/01/1999	Đại học	Giáo dục Mầm non	Bậc 3	UDCNTTCB		Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Phường 16	**Con thương binh**
25	Nguyễn Thị Huyền Trân		12/12/1997	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	A2	UDCNTTCB		Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Phường 16	
26	Mai Thị Triều Thu		10/10/2000	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	B (Số hiệu: A3328771, cấp ngày: 13/11/2019)	UDCNTTCB		Giáo viên mầm non	**Trường Mầm non Quận**	
27	Cao Thị Huyền Trang		08/05/1998	Đại học	Giáo dục mầm non	B (Số hiệu: DQB30TA002393, cấp ngày: 15/05/2021)	UDCNTTCB		Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Quận	
28	Trần Thị Thanh Loan		20/02/1999	Cao đẳng	Giáo dục Mầm non	B (Số hiệu: A3166733, cấp ngày: 24/12/2019)	UDCNTTCB		Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Quận	

STT	Họ và Tên	Ngày sinh		Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ Ngoại ngữ (Anh văn)	Chứng chỉ Tin học	Chứng chỉ khác	Vị trí đăng ký tuyển dụng	Đơn vị đăng ký xét tuyển	Đối tượng ưu tiên
		Nam	Nữ								
29	Lý Dương Ngọc Nga		05/07/2000	Cao đẳng	Giáo dục Mầm non	B (Số hiệu: A2943045, cấp ngày: 23/12/2019)	UDCNTTCB		Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Quận	**Dân tộc Hoa**

Tổng cộng danh sách có 29 người.

UỶ BAN NHÂN DÂN QUẬN 11
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC
NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO NĂM HỌC 2021 - 2022

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH THAM DỰ VÒNG 2
KỲ TUYỂN DỤNG (XÉT TUYỂN) VIÊN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO NĂM HỌC 2021 - 2022 ĐỐI VỚI BẬC TIỂU HỌC

(Đính kèm Thông báo số 39 /TB-HĐTDVC ngày 14 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng tuyển dụng viên chức)

STT	Họ và Tên	Ngày sinh		Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ Ngoại ngữ (Anh văn)	Chứng chỉ Tin học	Chứng chỉ khác	Vị trí đăng ký tuyển dụng	Đơn vị đăng ký xét tuyển	Đối tượng ưu tiên
		Nam	Nữ								
1	Nguyễn Thị Huệ		22/03/1999	Đại học	Giáo dục Tiểu học	Bậc 3	UDCNTTCB		Giáo viên dạy nhiều môn	**Trường Tiểu học Hưng Việt**	
2	Huỳnh Thị Mai Trân		24/05/1994	Đại học	Ngôn ngữ anh	Đại học	UDCNTTCB	Nghiệp vụ sư phạm; Tiếng Hoa trình độ B	Giáo viên Tiếng Anh	Trường Tiểu học Hưng Việt	
3	Nguyễn Công Minh	10/08/1999		Đại học	Giáo dục Thể chất	Chứng nhận Tiếng Anh tương đương B1	UDCNTTCB		Giáo viên Thể dục	Trường Tiểu học Hưng Việt	
4	Lê Thị Thanh Quý		10/10/1996	Đại học	Sư phạm Tiếng anh	Đại học	UDCNTTCB		Giáo viên Tiếng Anh	**Trường Tiểu học Nguyễn Thi**	
5	Nguyễn Ngọc Đan Thanh		16/08/1996	Đại học	Kế toán	B (số hiệu: A3166406, cấp ngày 24/12/2019)	UDCNTTCB		Kế toán	Trường Tiểu học Nguyễn Thi	
6	Phạm Thị Tuyết Mai		12/07/1998	Đại học	Sư phạm Tiếng anh	Đại học	UDCNTTCB	Tiếng Trung trình độ A	Giáo viên Tiếng Anh	Trường Tiểu học Hòa Bình	
7	Nguyễn Nguyên Khôi	06/10/1987		Đại học	Thiết kế hoạt hình			Nghiệp vụ sư phạm	Giáo viên Mỹ thuật	**Trường Tiểu học Trần Văn Ơn**	
8	Hoàng Thị Kim Dung		11/10/1992	Đại học	Sư phạm Tiếng anh	Đại học	B (Số hiệu: A1616605, cấp ngày: 17/06/2014)		Giáo viên Tiếng Anh	Trường Tiểu học Trần Văn Ơn	
9	Huỳnh Thị Hộp		10/11/1997	Đại học	Giáo dục Tiểu học	Bậc 3	UDCNTTCB		Giáo viên dạy nhiều môn	**Trường Tiểu học Âu Cơ**	
10	Lê Ngọc Điệp		19/09/1987	Đại học	Giáo dục Tiểu học	B (Số hiệu: A2783006, cấp ngày: 15/01/2018)	A (Số hiệu: A443530, cấp ngày: 22/12/2011)		Giáo viên dạy nhiều môn	Trường Tiểu học Âu Cơ	
11	Nguyễn Thái Xuân Mai		05/08/1999	Đại học	Giáo dục Tiểu học	Bậc 4	UDCNTTCB		Giáo viên dạy nhiều môn	Trường Tiểu học Âu Cơ	
12	Nguyễn Hồ Bảo Trân		16/05/1999	Đại học	Giáo dục Tiểu học	Bậc 3	UDCNTTCB		Giáo viên dạy nhiều môn	Trường Tiểu học Âu Cơ	
13	Nguyễn Thị Thùy Hương		08/08/1978	Đại học	Ngữ Văn Anh	Đại học	A (Số hiệu: A251515, cấp ngày: 04/09/2000)	Bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm;	Giáo viên Tiếng Anh	Trường Tiểu học Âu Cơ	
14	Hoàng Thị Hồng		20/01/1999	Đại học	Giáo dục tiểu học	Bậc 4	UDCNTTCB		Giáo viên dạy nhiều môn	**Trường Tiểu học Lạc Long Quân**	

STT	Họ và Tên	Ngày sinh		Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ Ngoại ngữ (Anh văn)	Chứng chỉ Tin học	Chứng chỉ khác	Vị trí đăng ký tuyển dụng	Đơn vị đăng ký xét tuyển	Đối tượng ưu tiên
		Nam	Nữ								
15	Long Tâm Như		08/09/1999	Đại học	Giáo dục tiểu học	B1	UDCNTTCB		Giáo viên dạy nhiều môn	Trường Tiểu học Lạc Long Quân	Dân tộc Hoa
16	Lê Xuân Minh Hương		30/09/1999	Đại học	Giáo dục tiểu học	Bậc 4	UDCNTTCB		Giáo viên dạy nhiều môn	Trường Tiểu học Lạc Long Quân	
17	Trương Hoàng Thông	11/04/1999		Đại học	Giáo dục Tiểu học	IELTS	UDCNTTCB		Giáo viên dạy nhiều môn	Trường Tiểu học Lạc Long Quân	
18	Ngô Huệ Linh		28/10/1998	Đại học	Giáo dục Tiểu học	Bậc 4	UDCNTTCB		Giáo viên dạy nhiều môn	Trường Tiểu học Lạc Long Quân	Dân tộc Hoa
19	Nguyễn Thị Tú Trinh		26/04/1996	Đại học	Giáo dục tiểu học	B (Số hiệu: A2564833, cấp ngày: 22/11/2017)	UDCNTTCB		Giáo viên dạy nhiều môn	**Trường Tiểu học Hàn Hải Nguyên**	
20	Phan Nguyễn Cẩm Tú		02/7/1998	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh	Đại học	UDCNTTCB	Tiếng Trung trình độ A	Giáo viên Tiếng Anh	Trường Tiểu học Hàn Hải Nguyên	
21	Phan Hà Thanh Trang		26/11/1995	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Đại học	A (Số hiệu: A2378267, cấp ngày: 26/05/2016)	Tiếng Trung trình độ C; chứng chỉ Nghiệp vụ sư phạm	Giáo viên Tiếng Anh	Trường Tiểu học Thái Phiên	
22	Ngô Thị Thanh Thảo		24/4/1986	Đại học	Giáo dục Tiểu học	B (số hiệu: A2139405; cấp ngày: 20/4/2016)	B (số hiệu: A2058275; cấp ngày: 09/10/2015)		Giáo viên dạy nhiều môn - kiêm Chuyên trách giáo dục	**Trường Tiểu học Phùng Hưng**	
23	Đinh Thị Nguyên		12/02/1990	Đại học	Giáo dục Tiểu học	B (Số hiệu: 0224686, cấp ngày: 10/08/2010)	B (Số hiệu: 0567434, cấp ngày: 01/03/2011)		Giáo viên dạy nhiều môn	Trường Tiểu học Phùng Hưng	
24	Trần Tường Vi		06/12/1999	Đại học	Giáo dục Tiểu học	Bậc 3 (Số hiệu: TA0010126, cấp ngày: 11/12/2020)	UDCNTTCB		Giáo viên dạy nhiều môn	Trường Tiểu học Phùng Hưng	
25	Phạm Thị Ngọc Quyên		19/9/1986	Đại học	Giáo dục Tiểu học	B (Số hiệu: A1956491, cấp ngày: 28/9/2015)	B (Số hiệu: A2281257, cấp ngày: 30/3/2016)		Giáo viên dạy nhiều môn	Trường Tiểu học Phùng Hưng	
26	Trần Thị Bảo Châu		06/02/1974	Đại học	Tài chính Kế toán	B (số hiệu: B585/CN1, cấp ngày 18/6/1996)	UDCNTTCB	Bồi dưỡng nghiệp vụ Văn thư lưu trữ	Nhân viên Văn thư	Trường Tiểu học Phùng Hưng	
27	Nguyễn Văn Hội	30/03/1986		Đại học	Giáo dục Tiểu học	B (Số hiệu: A2036175, cấp ngày: 18/01/2016)	UDCNTTCB		Giáo viên dạy nhiều môn	**Trường Tiểu học Phú Thọ**	
28	Nguyễn Thị Ngọc Châu		01/08/1973	Đại học	Ngữ văn Anh	Đại học	B (Số hiệu: B0066402, cấp ngày: 20/11/2007)	Tiếng Hoa trình độ B; Nghiệp vụ sư phạm;	Giáo viên Tiếng Anh	Trường Tiểu học Phú Thọ	
29	Lương Phạm Phương Lan		03/05/1991	Đại học	Ngôn Ngữ Anh	Đại học	B (Số hiệu: 0130642, cấp ngày: 25/03/2010)	Nghiệp vụ sư phạm, Tiếng Pháp Trình độ B	Giáo viên Tiếng Anh	Trường Tiểu học Phú Thọ	

STT	Họ và Tên	Ngày sinh		Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ Ngoại ngữ (Anh văn)	Chứng chỉ Tin học	Chứng chỉ khác	Vị trí đăng ký tuyển dụng	Đơn vị đăng ký xét tuyển	Đối tượng ưu tiên
		Nam	Nữ								
30	Lê Ngọc Lam Tuyền		23/01/1985	Trung cấp	Y sĩ	B (Số hiệu: A3242319, cấp ngày: 19/08/2019)	B (Số hiệu: A2194533, cấp ngày: 03/08/2019)	Trung cấp Điều dưỡng	Nhân viên y tế	Trường Tiểu học Phú Thọ	
31	Mai Thị Phương Thảo		30/08/1993	Đại học	Sư phạm Tiếng anh	Bậc 4	B (Số hiệu: A1846615, cấp ngày: 23/12/2014)	Tiếng Pháp Trình độ B	Giáo viên Tiếng Anh	**Trường Tiểu học Quyết Thắng**	
32	Nguyễn Hồng Nga		16/11/1973	Đại học	Tài chính	B (Số hiệu: A2043164, cấp ngày: 27/06/2016)	B (Số hiệu: A2008544, cấp ngày: 17/08/2015)	Bồi dưỡng Kế toán trưởng	Kế toán	Trường Tiểu học Quyết Thắng	
33	Ngô Thụy Minh Trang		26/01/1991	Đại học	Giáo dục Tiểu học	Bậc 3 (Số hiệu: 0008146, cấp ngày: 28/08/2020)	UDCNTTCB		Giáo viên dạy nhiều môn	**Trường Tiểu học Trưng Trắc**	
34	La Quang Lộc	14/08/1975		Đại học	Sư phạm Tiếng anh	Đại học			Giáo viên Tiếng Anh	**Trường Tiểu học Nguyễn Bá Ngọc**	
35	Lê Thị Thanh Xuân		17/02/1995	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Đại học	UDCNTTCB	Nghiệp vụ sư phạm,; Tiếng Pháp trình độ B	Giáo viên Tiếng Anh	**Trường Tiểu học Đại Thành**	
36	Tiêu Hải Ngọc Yến		15/06/1900	Đại học	Ngôn Ngữ Anh	Đại học	UDCNTTCB	Nghiệp vụ sư phạm; Tiếng Pháp trình độ B	Giáo viên Tiếng Anh	**Trường Tiểu học Nguyễn Thị Nhỏ**	
37	Trương Nguyễn Quỳnh Mai		29/12/1999	Đại học	Giáo dục tiểu học		UDCNTTCB		Giáo viên dạy nhiều môn	Trường Tiểu học Nguyễn Thị Nhỏ	
38	Nguyễn Ngọc Phương Giang		15/06/1997	Đại học	Giáo dục tiểu học	B (Số hiệu: A2508272, cấp ngày: 24/04/2019)	UDCNTTCB		Giáo viên dạy nhiều môn	**Trường Tiểu học Lê Đình Chinh**	
39	Lê Anh Thúy Uyên		11/02/1985	Kỹ sư	Công nghệ thông tin	B (Số hiệu: A2576474, cấp ngày: 02/08/2017)	Đại học		Công nghệ thông tin	Trường Tiểu học Lê Đình Chinh	

Tổng cộng danh sách có 39 người.

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 11
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC
NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO NĂM HỌC 2021 - 2022

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH THAM DỰ VÒNG 2
KỲ TUYỂN DỤNG (XÉT TUYỂN) VIÊN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO NĂM HỌC 2021 - 2022 ĐỐI VỚI BẬC TRUNG HỌC CƠ SỞ
(Đính kèm Thông báo số 39 /TB-HĐTDVC ngày 14 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng tuyển dụng viên chức)

STT	Họ và Tên	Ngày sinh		Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ Ngoại ngữ (Anh văn)	Chứng chỉ Tin học	Bằng cấp/ Chứng chỉ khác	Vị trí đăng ký tuyển dụng	Đơn vị đăng ký xét tuyển	Đối tượng ưu tiên
		Nam	Nữ								
1	Mai Hoàng Yến		21/11/1993	Đại học	Văn học	B (Số hiệu: B1688046, cấp ngày: 22/01/2015)	A (Số hiệu: A2009147, cấp ngày:28/07/2015)	Nghiệp vụ sư phạm	Giáo viên Ngữ văn	**Trường THCS Lê Anh Xuân**	Dân tộc Hoa
2	Nguyễn Thị Minh Tuyền		28/06/1991	Thạc sĩ	Văn học Việt Nam	B (Số hiệu: A3262283, cấp ngày: 22/07/2019)	B (Số hiệu: A1305529, cấp ngày: 08/06/2015)	Đại học Sư phạm Ngữ Văn	Giáo viên Ngữ Văn	Trường THCS Lê Anh Xuân	
3	Trần Mỹ Như		08/03/1998	Đại học	Sư phạm Lịch sử	B (Số hiệu: A2972008, cấp ngày: 05/11/2018)			Giáo viên Lịch sử	Trường THCS Lê Anh Xuân	Dân tộc Hoa
4	Kiều Thị Thiên Phương		25/07/1969	Trung cấp	Y sĩ	B (Số hiệu: A11761856, cấp ngày: 10/12/2015)	UDCNTTCB		Y tế	Trường THCS Lê Anh Xuân	
5	Trần Văn Hồng	04/04/1993		Đại học	Giáo dục Thể chất	B (Số hiệu: A1810905, ngày cấp: 20/5/2015)	A (Số hiệu: 0424363, cấp ngày: 29/10/2010)		Giáo viên Thể dục - Kiêm Tổng phụ trách Đội	**Trường THCS Nguyễn Văn Phú**	
6	Nguyễn Thị Mỹ Tiên		20/08/1997	Đại học	Giáo dục chính trị	Bậc 3	UDCNTTCB		Giáo viên Giáo dục Công dân	**Trường THCS Lê Quý Đôn**	
7	Trần Bảo Trân		19/06/1995	Đại học	Giáo dục chính trị		UDCNTTCB		Giáo viên Giáo dục công dân	Trường THCS Lê Quý Đôn	Dân tộc Hoa
8	Biện Thị Chiến		18/02/1999	Đại học	Giáo dục chính trị	Bậc 3	UDCNTTCB		Giáo viên Giáo dục công dân	Trường THCS Lê Quý Đôn	
9	Tôn Thị Lệ Thiện		28/02/1994	Đại học	Sư phạm Lịch sử				Giáo viên Lịch sử - Kiêm tổng phụ trách đội	**Trường THCS Nguyễn Huệ**	Dân tộc Chăm
10	Vũ Thị Hồng		20/07/1995	Đại học	Ngôn Ngữ Anh	Đại học	B (Số hiệu: 1567184, cấp ngày: 16/03/2017)	Nghiệp vụ sư phạm, Tiếng Hoa Trình độ B	Giáo viên Tiếng Anh	Trường THCS Nguyễn Huệ	
11	Dương Thị Như		28/06/1998	Đại học	Sư phạm Tiếng anh	Đại học	UDCNTTCB		Giáo viên Tiếng Anh	Trường THCS Nguyễn Huệ	
12	Phạm Thị Ánh Nguyệt		17/12/1993	Đại học	Sư phạm Vật lý	B (Số hiệu: A1820006, cấp ngày: 01/06/2015)	B (Số hiệu: A2009174, cấp ngày: 28/07/2015)		Giáo viên Vật lý	Trường THCS Nguyễn Huệ	
13	Lê Thị Hoàng Anh		06/05/1995	Thạc sĩ	Khoa học Vật lý	Bậc 3 (Số hiệu: A2541446, cấp ngày: 26/04/2017)	UDCNTTCB	Đại học Sư phạm Vật lý	Giáo viên Vật lý	Trường THCS Nguyễn Huệ	

STT	Họ và Tên	Ngày sinh		Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ Ngoại ngữ (Anh văn)	Chứng chỉ Tin học	Bằng cấp/ Chứng chỉ khác	Vị trí đăng ký tuyển dụng	Đơn vị đăng ký xét tuyển	Đối tượng ưu tiên
		Nam	Nữ								
14	Nguyễn Duy Phương	02/10/1998		Đại học	Sư phạm Vật lý	B (Số hiệu: A115400, cấp ngày: 14/01/2020)	UDCNTTCB (Số hiệu: 005876, cấp ngày: 25/05/2021)		Giáo viên Vật lý	Trường THCS Nguyễn Huệ	
15	Nguyễn Thị Thanh Nga		09/06/1988	Đại học	Vật lý học			Nghiệp vụ sư phạm	Giáo viên Vật lý	Trường THCS Nguyễn Huệ	
16	Trần Thị Thu Hiền		16/12/1980	Đại học	Sư phạm Vật lý	A (Số hiệu: A17845, cấp ngày: 15/07/2009)	A (Số hiệu: A356898, cấp ngày: 05/06/2008)		Giáo viên Vật lý	Trường THCS Nguyễn Huệ	
17	Phan Thị Hiếu		07/09/1996	Đại học	Sư phạm Vật lý	B (Số hiệu: A2969190, cấp ngày: 11/09/2018)	A (Số hiệu: A4227670, cấp ngày: 03/06/2016)		Giáo viên Vật lý	Trường THCS Nguyễn Huệ	
18	Ngô Thị Quỳnh Nhi		02/03/1994	Đại học	Sư phạm Vật lý	Bậc 3 (Số hiệu: 0000219, cấp ngày: 06/04/2016)	UDCNTTCB		Giáo viên Vật lý	Trường THCS Nguyễn Huệ	
19	Phạm Thị Hương Giang		19/07/1995	Đại học	Sư phạm Vật lý	B1 (Số hiệu: TAB1/0006650), cấp ngày: 09/06/2016)	UDCNTTCB		Giáo viên Vật lý	Trường THCS Nguyễn Huệ	
20	Nguyễn Thị Ngọc Phụng		07/09/1998	Đại học	Sư phạm Vật lý		UDCNTTCB		Giáo viên Vật lý	Trường THCS Nguyễn Huệ	
21	Văn Thị Bích Tuyền		17/09/1988	Đại học	Sư phạm Vật lý	B (Số hiệu: 0244622, cấp ngày: 15/11/2007)	A (Số hiệu: 345360, cấp ngày: 09/02/2009)		Giáo viên Vật lý	Trường THCS Nguyễn Huệ	
22	Phạm Thị Nga		26/02/1999	Đại học	Sư phạm Vật lý	B1	UDCNTTCB		Giáo viên Vật lý	Trường THCS Nguyễn Huệ	
23	Lê Thị Diễm Kiều		04/02/1997	Đại học	Sư phạm Vật lý	Bậc 3	UDCNTTCB		Giáo viên Vật lý	Trường THCS Nguyễn Huệ	
24	Trần Phạm Diễm Trinh		26/05/1999	Đại học	Sư phạm Vật lý	B1	UDCNTTCB		Giáo viên Vật lý	Trường THCS Nguyễn Huệ	
25	Nguyễn Phạm Thanh Nguyên		22/07/1990	Trung cấp	Kế toán	B (Số hiệu: A2053194, cấp ngày: 03/06/2016)	B (Số hiệu: A233096, cấp ngày: 19/04/20126)		Thủ quỹ	Trường THCS Nguyễn Huệ	
26	Dương Thị Kim Quý		19/08/1979	Đại học	Kế toán	B (Số hiệu: 0266742, cấp ngày: 09/07/2010)	A (Số hiệu: 0399789, cấp ngày: 12/06/2012)		Thủ quỹ	Trường THCS Nguyễn Huệ	
27	Lê Bùi Hoàng Thơ		22/11/1995	Đại học	Sư phạm Lịch sử	Bậc 3	UDCNTTCB		Giáo viên Lịch sử	**Trường THCS Hậu Giang**	
28	Nguyễn Ngọc Thanh Vy		21/10/1999	Đại học	Sư phạm Ngôn ngữ Anh	Đại học	Chứng chỉ IIG Việt Nam về Word, Excel 2010	Nghiệp vụ sư phạm	Giáo viên Tiếng Anh	Trường THCS Hậu Giang	
29	Trần Nguyễn Ái Nhi		21/05/1997	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Đại học	Module 1, Module 2 và Tin học	Nghiệp vụ sư phạm	Giáo viên Tiếng Anh	Trường THCS Hậu Giang	
30	Hồng Ngọc Chiêu Thư		25/9/1997	Đại học	Ngôn ngữ Anh	B2	UDCNTTCB	Nghiệp vụ sư phạm	Giáo viên Tiếng Anh	Trường THCS Hậu Giang	

STT	Họ và Tên	Ngày sinh		Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ Ngoại ngữ (Anh văn)	Chứng chỉ Tin học	Bằng cấp/ Chứng chỉ khác	Vị trí đăng ký tuyển dụng	Đơn vị đăng ký xét tuyển	Đối tượng ưu tiên
		Nam	Nữ								
31	Nguyễn Minh Cường	19/12/1990		Thạc sĩ	Hóa hữu cơ	B (Số hiệu: A1846202, cấp ngày: 16/07/2015)	A (Số hiệu: A1971420, cấp ngày: 25/05/2015)	Đại học Sư phạm Hóa học	Giáo viên Hóa học	Trường THCS Hậu Giang	
32	Nguyễn Thị Hồng Anh		13/11/1997	Đại học	Sư phạm Hóa học	Bậc 2	UDCNTTCB		Giáo viên Hóa học	Trường THCS Hậu Giang	
33	Trần Thị Bích Hảo		06/05/1999	Đại học	Sư phạm Hóa học	B1	UDCNTTCB		Giáo viên Hóa học	Trường THCS Hậu Giang	
34	Lưu Hồng		19/10/2019	Đại học	Sư phạm Hóa học	Bậc 3	UDCNTTCB		Giáo viên Hóa học	Trường THCS Hậu Giang	Dân tộc Hoa
35	Nguyễn Hoàng Minh	10/07/1997		Đại học	Sư phạm Hóa học	Toeic	UDCNTTCB		Giáo viên Hóa học	Trường THCS Hậu Giang	
36	Nguyễn Thị Ái Như		26/03/1999	Đại học	Sư phạm Hóa học	Bậc 3	UDCNTTCB		Giáo viên Hóa học	Trường THCS Hậu Giang	
37	Lê Mỹ Lam Thuyên		27/7/1996	Đại học	Sư phạm Hóa học	B1	UDCNTTCB		Giáo viên Hóa học	Trường THCS Hậu Giang	
38	Nguyễn Thị Hồng Thắm		10/03/1994	Đại học	Sư phạm Địa lý	B (Số hiệu: A2041397, cấp ngày: 23/05/2016)	A (Số hiệu: A0093683, cấp ngày: 13/09/2013		Giáo viên Địa lý	**Trường THCS Lữ Gia**	
39	Phạm Thị Mỹ Hằng		30/08/1997	Đại học	Sư phạm Địa lý	Bậc 3	A (Số hiệu: A2381963, cấp ngày: 09/05/2016)		Giáo viên Địa lý	Trường THCS Lữ Gia	
40	Trần Thị Mùi		05/09/1991	Đại học	Sư phạm Lịch sử	B (Số hiệu: A1564327, cấp ngày: 08/08/2014)	UDCNTTCB		Giáo viên Lịch sử	Trường THCS Lữ Gia	
41	Trần Hoàng Phú	15/05/1986		Đại học	Kế toán	C (Số hiệu: A1376809, cấp ngày: 22/05/2014)	B (Số hiệu: A1869702, cấp ngày: 09/02/2015)	Chứng chỉ Kế toán trưởng, Nghiệp vụ sư phạm	Kế toán	Trường THCS Lữ Gia	
42	Hà Thanh Trúc		21/04/1986	Đại học	Kế toán	B (Số hiệu: A1280506, cấp ngày: 16/05/2016)	B (Số hiệu: A1032007, cấp ngày: 11/07/2013)		Kế toán	Trường THCS Lữ Gia	Con thương binh Hạng 4
43	Nguyễn Thị Thu Phượng		09/09/1999	Đại học	Sư phạm Ngữ văn				Giáo viên Ngữ văn	**Trường THCS Nguyễn Minh Hoàng**	

Tổng cộng danh sách có 43 người